TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12/2021/QĐST-HNGĐ	*Quận 9, ngày 14 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1116/2020/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đường C, Tổ 7, Khu phố 2, phường U, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc R, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: đường C, Tổ 7, Khu phố 2, phường U, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc R tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 23/7/2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 1/2007 ngày 23/7/2007). Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc R là hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống bình thường hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không ai hiểu ai. Hai bên gia đình cũng hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt

được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, nên ông T và bà R yêu cầu Tòa án công nhân thuận tình ly cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Nhật H, sinh ngày 20/3/2008 và Trần Ngọc Cát G, sinh ngày 24/12/2018. Hai bên thỏa thuận ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc R trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung Trần Nhật H và Trần Ngọc Cát G; ông Trần Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà R tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông T và bà R trình bày không có.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc R thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 1/2007 ngày 23/7/2007 do Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc R không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Nhật H, sinh ngày 20/3/2008 và Trần Ngọc Cát G, sinh ngày 24/12/2018. Bà Nguyễn Thị Ngọc R trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung Trần Nhật H và Trần Ngọc Cát G; ông Trần Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T và bà R tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

Nợ chung: Ông T và bà R trình bày không có, Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc R phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0047182 ngày 02/12/2020 của Chi

cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc R đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 9;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Tùng